

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 379/2022/DS-ST
Ngày: 09 - 09 -2022
*V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Với Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Phan Minh Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phùng Văn Long;

Ông Trần Công Trường.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đông, là thư ký Tòa án nhân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Vào ngày 09 tháng 09 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 291/TLST-DS ngày 11/07/2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2022/QĐXX-DS ngày 22/08/2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Ngọc B**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số 37 PVK, xã MP, TP MT, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện theo ủy quyền:** Chị **Lê Thụy Cẩm T**, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Ấp BTT, xã BP, huyện CG, tỉnh Tiền Giang. Theo giấy ủy quyền ngày 22/06/2022.

- **Bị đơn:** Chị **Trần Thị Phương O**, sinh năm 1971;

Địa chỉ: số 415/1 tổ 17, ấp TP, xã TLT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T, Chị O có mặt phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 28/06/2022 của nguyên đơn là Nguyễn Thị Ngọc B và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Do quen biết Chị B có cho chị Trần Thị Phương O vay tiền làm nhiều lần cụ thể như sau:*

Lần 1: ngày 12/12/2019 vay số tiền 100.000.000 đồng

Lần 2: ngày 06/01/2020 vay số tiền 100.000.000 đồng

Lần 3: ngày 04/03/2020 vay số tiền 700.000.000 đồng

Lần 4: ngày 17/06/2020 vay số tiền 100.000.000 đồng

Tổng số tiền các lần vay là 1.000.000.000 đồng đều có biên nhận, mục đích cho Chị O vay để làm ăn. Trong các biên nhận vay không có thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ, khi nào Chị B cần tiền thì thông báo cho Chị O biết trước. Hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 3%/1 tháng. Sau lần vay ngày 17/06/2020 Chị B yêu cầu Chị O phải trả vốn gốc và lãi của tất cả các khoản vay vào ngày 17/07/2020 nhưng Chị O không có trả nên Chị B đến nhà đòi nợ nhiều lần nhưng Chị O cố tình tránh mặt không trả, vì vậy khởi kiện ra Tòa. Nay Chị B yêu cầu Chị O trả số tiền vốn gốc là 1.000.000.000 đồng và trả tiền lãi tạm tính từ ngày 18/07/2020 đến ngày 28/06/2022 với lãi suất là 0,83%/ tháng là 190.900.000 đồng. Tổng cộng vốn gốc và lãi là 1.190.900.000 đồng.

Tại phiên tòa, Chị T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể chỉ yêu cầu trả lãi với lãi suất là 0,83%/ tháng tính từ ngày nộp đơn khởi kiện là ngày 28/06/2022 đến ngày 28/08/2022 thành tiền là 16.600.000 đồng. Nay yêu cầu Chị O trả vốn gốc 1.000.000.000 đồng, tiền lãi 16.600.000 đồng, tổng cộng hai khoản là 1.016.600.000 đồng. Thời gian thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực.

** Tại bản tự khai ngày 15/08/2022 của bị đơn là chị Trần Thị Phương O và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Chị O thừa nhận có vay các khoản tiền của Chị B làm nhiều lần, tổng cộng là 1.000.000.000 đồng và có viết các biên nhận nợ. Trong các biên nhận nợ đều không có ghi lãi suất và thời hạn trả nợ, nhưng hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất các khoản vay là 30%/ tháng, mục đích vay để trả nợ. Về thời hạn trả nợ khi nào Chị B cần thì phải thông báo trước. Quá trình vay chị có trả lãi suất cho các khoản vay đầy đủ nhưng không nhớ cụ thể số tiền bao nhiêu, đến ngày 17/07/2020 chị ngưng có không trả lãi cho đến nay. Sau đó Chị B có đến chỗ chị buôn bán để đòi nợ nhiều lần nhưng chị mất khả năng chi trả. Nay Chị B khởi kiện yêu cầu trả vốn gốc và lãi là 1.016.600.000 đồng chị không đồng ý. Vì hiện nay hoàn cảnh chị quá khó khăn, xin cho trả vốn gốc là 500.000.000 đồng và không trả lãi, xin trả trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ vốn gốc 500.000.000 đồng.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa Chị T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu trả lãi với lãi suất là 0,83%/tháng tính từ ngày 28/06/2022 đến ngày 28/08/2022 thành tiền là 16.600.000 đồng. Xét thấy yêu cầu này là phù hợp với quy định tại Điều 5, khoản 1 Điều 224 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét thấy tại phiên tòa, các bên cùng thống nhất số tiền vốn gốc của các khoản vay tổng cộng là 1.000.000.000 đồng và có biên nhận, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Yêu cầu Chị O trả vốn gốc của các khoản vay tổng cộng 1.000.000.000 đồng và tiền lãi 16.600.000 đồng. Tổng cộng vốn gốc và lãi là 1.016.600.000 đồng, thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật. Chị O không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Chị B, mà chỉ đồng ý trả vốn gốc là 500.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi. Xin cho trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ, vì hiện nay hoàn cảnh gia đình chị khó khăn. Nhận thấy, trình bày của Chị O là không có cơ sở, bởi quá trình giải quyết vụ án Chị O thừa nhận có vay tiền của Chị B nhiều lần nhưng đến nay chưa trả vốn gốc của các khoản vay cho Chị B lần nào và cũng không có chứng cứ chứng minh được số tiền lãi cụ thể đã trả cho Chị B. Điều này cho thấy quá trình thực hiện hợp đồng vay, Chị O đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Chị B. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu trả tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày nộp đơn là ngày 28/06/2022 đến ngày 28/08/2022 là 16.600.000 đồng là có lợi cho Chị O. Do đó, cần phải buộc Chị O trả vốn gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Phương O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 5, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc B

2/ Buộc chị Trần Thị Phương O có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc B số tiền vốn gốc 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) và tiền lãi là 16.600.000 đồng (mười sáu triệu sáu trăm ngàn đồng). Tổng cộng vốn gốc và lãi là 1.016.600.000 đồng (một tỷ không trăm mười sáu triệu sáu trăm ngàn đồng). Thời gian thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3/ Về án phí:

- Chị Trần Thị Phương O phải chịu 42.498.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc B 21.863.500 đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0020721 ngày 06/07/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

4/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trịnh Phan Minh Trâm